

Sự biến đổi cơ chế quản trị toàn cầu và chiến lược ứng phó của Việt Nam

PARK NOH WAN*

Trong tương lai, thế giới có khả năng chuyển sang “thời đại biến đổi khí hậu và năng lượng”¹, và trong thời đại đó, nền công nghệ kỹ thuật xanh thân thiện với môi trường có thể sẽ đóng vai trò chủ đạo trong mô hình tăng trưởng kinh tế mới và tạo sự giàu có cho các quốc gia. Cơ chế Quản trị toàn cầu cũng đang không ngừng biến đổi cấu trúc theo sự biến đổi của thời đại. Nếu xem xét lại, trật tự thế giới được lập ra sau Chiến tranh Thế giới thứ II đến nay đã có những thay đổi về mặt cấu trúc một cách tương đối ôn hòa không kể sự kiện mang tính cách mạng như sự kết thúc Chiến tranh Lạnh.

Tuy nhiên, kể từ sau những năm 2000, cùng với sự tăng trưởng kinh tế vượt bậc, các nước mới nổi, tiêu biểu là nhóm nước BRICs (Brazil, Nga, Ấn Độ, Trung Quốc) đang ngày càng mở rộng ảnh hưởng sức mạnh kinh tế và quyền phát ngôn trên trường quốc tế. Áp lực điều chỉnh mối quan hệ đối với

cơ chế quản trị toàn cầu ngày một lớn mạnh do sự trỗi dậy của các nước mới nổi, và trong tương lai, việc có đạt được hay không sự điều chỉnh mối quan hệ trong cơ chế quản trị toàn cầu một cách thuận lợi giữa nhóm các nền kinh tế phát triển và nhóm các nền kinh tế mới nổi tiêu biểu là BRICs, và liệu có đối phó hiệu quả được hay không với các vấn đề mang tính toàn cầu, như biến đổi khí hậu, sẽ trở thành những nền tảng, căn cứ để dự đoán mức tăng trưởng bền vững và hài hòa của ngôi nhà trái đất. Bài viết này sẽ xem xét một số đặc điểm và sự biến đổi của cơ chế quản trị toàn cầu hiện nay, phân

* Học giả Viện Kinh tế và Chính trị Thế giới

¹ T. Friedman – người nổi tiếng với cuốn sách liên quan đến toàn cầu hóa, thông qua cuốn sách “Hot, Flat and Crowded” (Nóng, phẳng, chật) đã nhấn mạnh: 3 xu hướng (hot, flat and crowded) là hiện tượng nóng lên của trái đất, gia tăng tầng lớp trung lưu theo đà phát triển của toàn cầu hóa, gia tăng dân số nhanh chóng (từ 6,7 tỷ người năm 2010 tăng lên 9,7 tỷ người vào năm 2050) có thể gây ra những tác động phức hợp, những thách thức mang tính chất toàn cầu, chỉ có cuộc cách mạng xanh là chiến lược cho sinh tồn, thịnh vượng duy nhất của nhân

loại, đồng thời cũng là hạt nhân cùng cố vững chắc hơn nữa sức mạnh và vai trò lãnh đạo của Mỹ.

tích những thách thức trong tương lai và tiếp đó tìm hiểu cách ứng phó chiến lược với sự biến đổi của cơ chế quản trị toàn cầu dựa trên những thành quả của cải cách và mở cửa và chiến lược ứng phó của Việt Nam trong thời gian tới.

1. Sự hình thành và những sự biến đổi trong cơ chế quản trị toàn cầu

1.1. Cấu trúc cơ bản

Sau Chiến tranh Thế giới II năm 1945, khung khổ duy trì thể chế quốc tế đã được thiết lập với một số trục chính sau: Về mặt chính trị, Liên hợp quốc (UN) đóng vai trò nòng cốt trong cơ chế an ninh tập thể; Về mặt kinh tế, Hiệp định chung về thuế quan và thương mại (GATT) (với nguyên tắc cơ bản: không phân biệt, hợp tác tương trợ và minh bạch) lấy trọng tâm là thương mại tự do, Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) (viện trợ nguồn vốn quan trọng đối với thâm hụt cán cân thương mại tạm thời) quản lý ổn định việc lưu thông tiền tệ thế giới và Ngân hàng Thế giới (WB) chi viện nguồn vốn dài hạn giúp khôi phục nền kinh tế sau chiến tranh.

Có thể nói, đây là mô hình được chi phối bởi sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia (interdependence) dựa trên nền tảng cán cân quyền lực (balance of power) và bảo đảm an ninh quốc gia mà Hobbes đã đưa ra.

Mặc dù đã có những biến đổi diễn ra trong trật tự tiền tệ và thương mại quốc tế² bởi những biến đổi trong phân chia quyền lực kinh tế³ giữa

các quốc gia trong thời kì Chiến tranh Lạnh, về cơ bản, khung trật tự thế giới như đã nói ở trên đã tồn tại liên tục cho đến khi Chiến tranh Lạnh chấm dứt hoàn toàn vào năm 1991.

1.2. Một số vấn đề và đặc điểm biến đổi của trật tự thế giới sau Chiến tranh Lạnh

- Hình thành bầu không khí hợp tác cùng nhau kiểm soát các vấn đề quốc tế.

Chiến tranh Lạnh đã kết thúc, đồng thời hình thành tinh thần thống nhất chung là “*hợp tác cùng nhau kiểm soát các vấn đề quốc tế*” thông qua đối thoại và hợp tác hữu nghị trên cơ sở hòa bình và ổn định. Mặt khác, sự sụp đổ của Liên Xô (cũ)⁴ đã tạo ra sự biến đổi một cách tự nhiên trong cơ chế quản trị toàn cầu thành thể chế thống trị với một siêu cường duy nhất⁵ là Mỹ trong nền chính trị thế giới, dù trong thời gian rất ngắn. Tuy nhiên trong kinh tế, với sự suy yếu tương đối của kinh tế Mỹ và sự nổi lên của kinh tế Nhật Bản và Đức, Mỹ không còn cách nào khác là phải chuyển đổi sang chính sách kinh tế đa phương cùng bắt tay hợp tác với các nước này.

năm sau và hiện tại chỉ còn là mức 23%. Điều này cho thấy trong khi sức mạnh kinh tế của Mỹ bị giảm tương đối đã diễn ra sự biến đổi trong phân chia quyền lực kinh tế do sự lớn mạnh tương đối về quyền lực kinh tế của các nền kinh tế mới nổi như Nhật Bản, EU, Trung Quốc.

⁴ Sự sụp đổ của Liên Xô (cũ) đã gây ra sự sụp đổ của khối kinh tế xã hội chủ nghĩa, dẫn đến các nước xã hội chủ nghĩa gia nhập vào thể chế kinh tế tư bản chủ nghĩa dựa trên nguyên tắc “cơ chế thị trường và dân chủ” mà trọng tâm là các nước tiên tiến phương Tây.

⁵ Có những tranh cãi giữa các nhà chính trị thế giới về vấn đề liệu Mỹ có thể tiếp tục nắm giữ vị trí siêu cường bất chấp sức mạnh kinh tế của Mỹ bị suy yếu một cách tương đối kể từ sau Chiến tranh Lạnh, nhưng cũng có kiến giải rằng Mỹ vẫn chưa hề bị suy yếu và vẫn có khả năng tiếp tục nắm giữ vị trí siêu cường quốc tế do Mỹ không chỉ có lực lượng quân sự hùng mạnh mà còn có sức mạnh mềm (soft power), dẫn đầu về sức mạnh cấu trúc (structural power) như an ninh, sản xuất, tài chính, tri thức (susan, strange); kiểm soát thu nhập (bruce, ruset).

² Giá trị nổi do vấn đề tính linh hoạt của đồng USD, và với sự suy yếu tương đối của nền kinh tế Mỹ và sự tăng cường sức mạnh kinh tế của Nhật Bản và Đức, năm 1984 tại cuộc họp ở Plaza, Mỹ đã tiến hành điều chỉnh tỷ giá giữa đồng USD và đồng yên.

³ Nước Mỹ sau chiến tranh năm 1971 đã ghi nhận mức thâm hụt thương mại đầu tiên và tỷ trọng của Mỹ trong tổng sản lượng quốc dân của 7 nước công nghiệp (Mỹ, Anh, Tây Đức, Pháp, Ý, Canada, Nhật Bản) đã từ mức trên 70% vào năm 1950 sụt xuống còn 30 - 40% vào 30

- *Trọng tâm của quản trị toàn cầu chuyển sang sức mạnh mềm (Soft Power).*

Trật tự thế giới từ trọng tâm là Sức mạnh cứng (Hard Power) xoay quanh ngoại giao/an ninh và đồng minh quân sự đã chuyển mạnh sang Sức mạnh mềm với trọng tâm là kinh tế và văn hóa. Theo đó, trật tự thương mại thế giới đã hoàn thiện bổ sung cho Hiệp định chung về thuế quan và thương mại (GATT) để chuyển biến thành tổ chức WTO duy nhất với sự tham gia của phần lớn các quốc gia trên thế giới. Và trong thời gian gần đây, thế giới đang trong giai đoạn thúc đẩy Vòng Đàm phán Doha (DDA) nhằm chuyển đổi thành trật tự thương mại thế giới có chiều sâu hơn và hoàn thiện hơn. Thêm nữa, trong hệ thống điều hành và trật tự tài chính quốc tế (điều hành cấu trúc của IMF và WB) với trọng tâm là các nước phát triển phương Tây cũng đang diễn ra những thay đổi căn bản.

Để thích ứng với những thay đổi như vậy trong Quản trị toàn cầu, hiện tượng chủ nghĩa khu vực cũng đã được tăng cường thêm. EU, NAFTA, ASEAN, MERCOSUR có thể xem như là những ví dụ điển hình.

- *Làm rõ những vấn đề trong lịch sử nhân loại.*

Những vấn đề quốc tế như ma túy, khủng bố quốc tế, nghèo đói, biến đổi khí hậu nay đã được xem là những vấn đề quốc tế mới. Những vấn đề của cộng đồng nhân loại như vậy có khả năng giải quyết thông qua hợp tác hữu nghị và phối hợp quốc tế chặt chẽ và tùy theo từng thời điểm, nó động chạm đến chủ quyền và quyền tự quyết của các quốc gia, do đó rất khó để giải quyết vấn đề này một cách hiệu quả.

Mặt khác, từ khi ra đời năm 1945, Liên hợp quốc luôn mang trong mình một hạn chế cơ bản, đó là không làm tròn chức năng và vai trò là chính phủ thế giới, phải đối mặt với những

phê phán rằng Liên hợp quốc không đối phó được một cách kịp thời với các vấn đề mang tính toàn cầu.

- *Tìm kiếm giải pháp tạo dựng cơ chế quản trị toàn cầu mới.*

Cùng với sự vươn lên của nhóm các nền kinh tế mới nổi và phải đối mặt với các vấn đề toàn cầu phức tạp, chức năng và vai trò là khối hợp tác kinh tế toàn cầu của nhóm các nước G8⁶ đã suy yếu đi nhiều. Trong bối cảnh đó, từ những nhận xét cho rằng sẽ không thể giải quyết được những hậu quả của cuộc khủng hoảng tài chính thế giới bắt nguồn từ Mỹ năm 2008 nếu không có sự hợp tác giữa các nước phát triển và các nước đang phát triển. Tổ chức G20⁷ với sự tham gia của nhiều nước mới nổi đã ra đời như vậy theo đề xuất của Mỹ.

Trong tương lai, để G20 nắm vai trò thực sự xứng đáng là tổ chức hợp tác kinh tế cao nhất trên thế giới, đòi hỏi phải lập ra một cơ chế để chính thức hóa hội nghị thượng đỉnh này cũng như nâng cao hiệu quả và tính ràng buộc của các quyết định trong hội nghị. Thêm vào đó, G20 cũng phải giải quyết được bài toán lớn là phải thực hiện thành công việc cải tổ hệ thống tiền tệ, những mâu thuẫn về tỷ giá, mất cân bằng thương mại..., tạo ra một trật tự tiền tệ quốc tế mới.

⁶ G8 (Mỹ, Anh, Nhật, Pháp, Đức, Ý, Canada, Nga) được thành lập vào giữa những năm 1970 đã đóng góp vào việc giải quyết các vấn đề kinh tế thế giới như mở quỹ quốc tế nhằm bài trừ căn bệnh thể kỷ AIDS năm 2001, quyết định xóa nợ (56 tỷ USD) cho các nước nghèo nhất vào năm 2005. Tuy nhiên, hiện nay vai trò G8 đang bị giảm sút bởi sự nổi lên của các nước mới nổi như Trung Quốc.

⁷ G20 bao gồm các thành viên là các nước trong G-8 hiện tại, 12 nước mới nổi (Hàn Quốc, Trung Quốc, Ấn Độ, Indonesia, Argentina, Mexico, Nga, Úc, Nam Phi, Saudi Arab, Thổ Nhĩ Kỳ) và Liên minh châu Âu (EU). Trong trường hợp của nước mới nổi như Trung Quốc có tổng GDP (tính theo PPP) chỉ sau Mỹ, Ấn Độ vượt Nhật Bản và Đức, Brazil cũng vượt Canada, và trong tương lai vị thế của các nước mới nổi trong G20 sẽ được nâng cao.

2. Triển vọng và những thách thức của cơ chế quản trị toàn cầu mới trong tương lai

2.1. Dự đoán một số biến đổi về cấu trúc thị trường tài chính thế giới

Trong thời gian gần đây, những phương án quản lý hiệu quả và ổn định hệ thống tiền tệ thế giới đã và đang được đưa ra thảo luận tại G20. Tuy nhiên, do mâu thuẫn tỷ giá do sự mất cân bằng thương mại toàn cầu nên việc kêu gọi hợp tác quốc tế là điều không dễ dàng.

Lý do là bởi cấu trúc của mâu thuẫn tỷ giá toàn cầu rất phức tạp giữa các nhóm quốc gia và giữa Trung Quốc và Mỹ. Cấu trúc mâu thuẫn giữa các nước phát triển, các nước đang phát triển và các nước mới nổi được dự báo là sẽ còn tiếp diễn trong quá trình cải tổ hệ thống tài chính quốc tế. Và vấn đề này sẽ trở thành chủ đề trọng tâm của sự biến đổi sang một cơ chế quản trị toàn cầu mới.

2.2. Nhóm các nền kinh tế mới nổi giữ vai trò chủ đạo trong chuyển biến quản trị toàn cầu mới

Nhóm các nước có nền kinh tế mới nổi như Trung Quốc có nhiều khả năng sẽ phát triển thành một khối, thúc đẩy mạnh mẽ sự chuyển biến của trật tự kinh tế chính trị thế giới nhằm đối phó với khối kinh tế của các nước phát triển phương Tây như Mỹ, Nhật Bản và EU. Điều này cho thấy sẽ luôn có những cạnh tranh và mâu thuẫn trong quá trình hình thành và điều chỉnh quản trị toàn cầu mới đối với các vấn đề kinh tế toàn cầu nhạy cảm⁸, như

cải tổ hệ thống tài chính quốc tế giữa các nhóm kinh tế của hai khối⁹, đối phó với vấn đề biến đổi khí hậu toàn cầu. Goldman Sachs dự đoán rằng cho đến năm 2050, tổng GDP của các nước mới nổi sẽ chiếm 70% tổng GDP của toàn thế giới. Do đó, tiếng nói của các nước mới nổi trên trường quốc tế sẽ ngày càng mạnh mẽ hơn.

Dự đoán trong tương lai, cùng với sự nổi lên của các nước mới nổi, thể chế đơn nhất với trọng tâm là Mỹ sẽ dần trở nên lỏng lẻo trong nền chính trị quốc tế, chức năng của G8 với vai trò là tổ chức hợp tác kinh tế toàn cầu cũng dần suy yếu, G20 với những thành viên là các nước mới nổi sẽ nắm giữ vai trò điều khiển trật tự kinh tế thế giới với tư cách là khối hợp tác kinh tế đa phương có vị thế cao nhất thế giới. Hơn nữa, trong khung trật tự cơ bản như vậy, không bao xa, trật tự thế giới sẽ chuyển biến thành thể chế hai cực G2¹⁰, trong đó Mỹ và Trung Quốc giữ vai trò chủ đạo.

nay, và được dự đoán rằng đến năm 2030, châu Á sẽ chiếm 57% tổng sản lượng thế giới, trục trọng tâm của kinh tế thế giới sẽ dịch chuyển sang khu vực châu Á. Cùng với sự biến đổi và khác biệt về quyền kinh tế tương đối của từng quốc gia như vậy, hệ thống nền kinh tế thế giới cũng được dự đoán là sẽ có những biến đổi tương đối về cấu trúc.

⁹ Theo thống kê của WTO, Tổng sản lượng quốc dân (GDP, theo ngang giá sức mua), GDP của BRIC (18.000 tỷ USD) đang đạt gần tới mức GDP của Mỹ, Nhật Bản, Đức (21.000 USD). Nếu BRIC tiếp tục duy trì mức tăng trưởng kinh tế như hiện nay, trong vòng 5 - 6 năm tới triển vọng sẽ vượt GDP của Mỹ, Nhật Bản, Đức.

¹⁰ Viện nghiên cứu kinh tế lớn trên thế giới đã dự đoán rằng với sức mua như năm 2009, Trung Quốc với tổng GDP 9.000 tỷ USD sẽ đứng sau Mỹ (14.000 tỷ USD), nhưng nếu Trung Quốc tiếp tục đà tăng trưởng kinh tế là 9% bình quân mỗi năm thì đến năm 2018 - 2025, Trung Quốc sẽ vượt qua Mỹ, trở thành cường quốc số 1 trên thế giới. (Theo báo cáo của Goldman Sachs).

⁸ Theo báo cáo của Trung tâm Phát triển OECD (4/2010), các nước phát triển phương Tây từ 70% tổng sản lượng thế giới những năm 1990 giảm xuống còn 53% hiện

Hộp 1: Vị thế quốc tế và viễn cảnh tương lai của các cường quốc kinh tế

BRICs đang tăng cường liên kết thành tổ chức hợp tác quốc tế mới:

- Tổ chức 2 lần Hội nghị Thượng đỉnh (tháng 2 năm 2009, tháng 4 năm 2010).
- Tổ chức Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao thường niên kể từ năm 2006.
- Thường xuyên tổ chức Hội nghị Bộ trưởng Tài chính và Thống đốc Ngân hàng trung ương.

Vị thế kinh tế thế giới của BRICs:

- Các nước BRICs (trừ Nga) liên tục đạt mức tăng trưởng cao bất chấp khủng hoảng kinh tế thế giới.
- GDP của 4 nước là trên 1.000 tỷ USD, mức tăng trưởng bình quân một năm của BRICs là 6,3% (của các nước phát triển là 2,2%).
- Lượng thải khí CO₂: Trung Quốc chiếm vị trí số 1 (6,5 tỷ tấn, chiếm 22% lượng khí thải thế giới), tiếp đó là Nga vị trí số 3, Ấn Độ vị trí số 4 (trong khi Mỹ ở vị trí số 2).
- Tổng kim ngạch thương mại của BRICs: 640 tỷ USD (1998) → 4.200 tỷ USD (2008), tăng 6 lần.
- BRICs chiếm giữ 40% tổng dự trữ ngoại tệ toàn thế giới, đứng trong top 10 nước dự trữ ngoại tệ lớn nhất thế giới.

Những vấn đề quan tâm của BRICs:

- Cải tổ hệ thống tài chính thế giới mà trọng tâm là IMF.
- Thành lập câu lạc bộ (club) với trung tâm là BRICs (vấn đề quan tâm của Trung Quốc).

Nguồn: Tạp chí Economist (17/4/2010).

2.3. Viễn cảnh tăng cường chủ nghĩa khu vực và sự cạnh tranh giữa các khu vực kinh tế

Như đã nói ở trên, kinh tế các nước phát triển như Mỹ và EU đang phải đối mặt với nạn thất nghiệp cao và bất ổn trên thị trường tài chính, trong khi đó kinh tế của các nước mới nổi như Trung Quốc, Brazil lại trong tình trạng có nguy cơ cao phát sinh bất ổn tỷ giá và nguy cơ bong bóng trong thị trường bất động sản.

Trong bối cảnh như vậy, các nước đang tiến hành chính sách nhằm duy trì sự phát

triển kinh tế của nước mình thông qua xuất khẩu, bởi không còn đủ khả năng để thực hiện gói kích thích kinh tế, do đó vẫn còn tồn tại yếu tố gây ra mâu thuẫn tỷ giá giữa các quốc gia.

Trong quá trình giải quyết vấn đề toàn cầu nóng bỏng này, có thể thấy những mâu thuẫn về lợi ích giữa các nước phát triển và các nước mới nổi, giữa các nước phát triển và các nước đang phát triển. Mâu thuẫn giữa nhóm kinh tế mà trọng tâm như EU, NAFTA cũng trở nên sâu sắc hơn.

2.4. Mở rộng các giá trị toàn cầu và gia tăng giới hạn quyền tự quyết của quốc gia

Trên thế giới ngày nay, sự giao lưu và mở cửa giữa các quốc gia ngày càng được mở rộng. Cùng với mức độ phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia ngày càng sâu sắc, một chính sách được thực thi ở quốc gia này sẽ có những tác động qua lại chặt chẽ tới quốc gia khác¹¹. Đặc biệt, điều đó càng đúng đối với các vấn đề cấp bách mang tính xuyên quốc gia cần sự ứng phó toàn cầu như khủng hoảng tài chính gần đây, biến đổi khí hậu, xóa đói giảm nghèo. Những vấn đề như thế này chỉ có thể được giải quyết khi các nhóm lợi ích khác nhau đặt “hỗ trợ và cùng tồn tại” lên vị trí hàng đầu và có những nhượng bộ nhất định về quyền hạn và quyền tự quyết của quốc gia mình.

Theo đó, sắp tới trong quá trình giải quyết những vấn đề này, dự đoán sẽ có những luồng vận động nhằm giới hạn quyền tự quyết và chủ quyền của các quốc gia ngày một mạnh mẽ hơn.

2.5. Giải pháp cấp bách đối với vấn đề mang tính nhân loại - biến đổi khí hậu

Khủng hoảng tài chính thế giới, biến đổi khí hậu, nghèo đói – những vấn đề toàn thế giới đang bàn luận là những vấn đề phải giải quyết

một cách cấp bách hơn bao giờ hết. Trước tiên, đối với vấn đề môi trường toàn cầu, nếu các nước không chịu nhượng bộ chủ quyền và tính tự chủ mà chỉ chăm lo tới lợi ích của quốc gia mình thì không thể giải quyết một cách triệt để, tận gốc được.

Theo các báo cáo liên quan tới biến đổi khí hậu¹², nếu kinh tế tiếp tục phát triển theo xu thế hiện nay, đến năm 2050 nhiệt độ trái đất sẽ tăng lên 3°C, năm 2100 nhiệt độ sẽ tăng lên tới 6 - 7°C. Nhiệt độ trái đất tăng 6°C thì các nước đang phát triển phải gánh chịu những thiệt hại nặng nề hơn các nước phát triển¹³. New York, Thượng Hải, London, và những khu vực thấp của đồng bằng sông Hồng, sông Mê Công sẽ bị ngập trong nước biển.

Thứ hai, có thể nói tới vấn đề mất cân bằng thương mại (Global Imbalance)¹⁴ giữa các nước

¹² Theo báo cáo Stern liên quan đến biến đổi khí hậu, nếu nhiệt độ trung bình của trái đất tăng lên 2°C thì các nước Trung Đông, Nam Phi sẽ thiếu 30% lượng nước, giảm 10% lượng lương thực ở vùng khí hậu nhiệt đới, 15% các loại bướm và chim sẽ bị tuyệt chủng, làm băng tan chảy ở Greenland (Bắc Đại Tây Dương), phát sinh hàng loạt các loại dịch bệnh truyền nhiễm. Nếu nhiệt độ tăng 5°C, đồng bằng sông Mê Công, sông Hồng bị ngập trong biển (trên 7 m), làm phát tán các chất khí metan tundra/ nhiệt đới, 20 - 50% các loài chim và bướm bị tuyệt chủng, và làm lây lan các bệnh truyền nhiễm.

¹³ Theo Báo cáo triển vọng cắt giảm ngân sách các chất khí nhà kính (Báo cáo về triển vọng môi trường năm 2030 của OECD), trong trường hợp không tích cực đối phó với biến đổi khí hậu, quy mô thiệt hại ở các nước là khác biệt. Tuy nhiên, càng những nước kém phát triển thì mức thiệt hại càng lớn. Nếu không đưa ra thêm các chính sách đối phó, thiệt hại trên lĩnh vực kinh tế gây ra bởi biến đổi khí hậu sẽ lên tới 5 - 20% GDP của toàn thế giới, được dự đoán rằng thiệt hại sẽ tập trung ở các nước đang phát triển có năng lực quản lý và đối phó kém.

¹⁴ Kể từ giữa những năm 1990, Trung Quốc liên tục đạt thặng dư trong giao dịch với Mỹ (bình quân mỗi tháng là 30 - 40 tỷ USD), và tháng 12 năm 2010, Trung Quốc đứng thứ 1 thế giới trong dự trữ ngoại tệ (2.600 tỷ USD). Nhật Bản cũng là nước có thặng dư trong giao

¹¹ Có thể giải thích mối quan hệ tương tác này bằng lý luận “butterfly effect” “hiệu ứng cánh bướm”. Cái đập cánh của con bướm ở Brazil có thể gây ra bão ở Texas, Mỹ. Điều này có nghĩa là ngày nay, với cuộc cách mạng truyền thông đa phương tiện, dòng chảy của thông tin trở nên nhanh chóng và chỉ một biến đổi rất nhỏ ở một góc cạnh của trái đất có thể được truyền khắp thế giới trong tích tắc. Chẳng hạn, cuộc khủng hoảng kinh tế bắt đầu từ Mỹ cuối năm 2008 đã kéo theo khủng hoảng kinh tế trên toàn thế giới.

phát triển và các nước mới nổi trong quá trình khắc phục khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Đây là vấn đề rất khó khăn và phức tạp do liên quan đến việc tổ chức lại trật tự tài chính thế giới. Việc G20 làm thế nào để giải quyết vấn đề này một cách triệt để sẽ là bước đột phá quan trọng không chỉ với việc khắc phục khủng hoảng kinh tế thế giới mà còn với việc tạo ra khung thể chế tài chính thế giới giữa thế kỷ XXI.

Thứ ba, giải quyết nghèo đói ở các nước chậm phát triển. Theo Báo cáo của WB được phát hành tháng 4 năm 2009, dân số nghèo nhất thế giới do khủng hoảng kinh tế toàn cầu đã tăng thêm 66 triệu người, thế giới rất khó để có thể thực hiện mục tiêu phát triển thiên niên kỷ của Liên hợp quốc đến năm 2015. Trong thế giới ngày nay, những người dân phải sống với mức dưới 1 USD một ngày là 1,4 tỷ người, số người sống với mức dưới 2 USD là 3,2 tỷ người. Điều may mắn là, việc đưa ra dự án mới liên quan đến hợp tác phát triển nhằm viện trợ tăng trưởng cho các nước đang phát triển được quyết định trong Hội nghị G20 được tổ chức tại Seoul (Hàn Quốc) vừa qua kỳ vọng là sẽ đóng góp phần to lớn vào tăng trưởng bền vững, và giảm số người dân nghèo nhất thế giới tại các nước kém phát triển.

3. Biến đổi trong cơ chế quản trị toàn cầu và ứng phó của Việt Nam

3.1. Thành quả chính sách “Đổi mới” của Việt Nam.

- *Gia nhập các tổ chức kinh tế thế giới và tạo khung chính sách cho tăng trưởng bền vững.*

Đến năm 1986, Chính sách Đổi mới đã chuyển nền kinh tế từ bao cấp sang nền kinh tế thị trường, thúc đẩy tăng trưởng tạo điều kiện để Việt Nam chủ động hội nhập kinh tế thế giới. Cùng với đó, Việt Nam tạo ra khung chính sách, pháp lý phù hợp nhằm tăng cường cải cách mở cửa, đồng thời tích cực gia nhập các tổ chức kinh tế khu vực và thế giới như ASEAN (1995), APEC (1998), bình thường hóa quan hệ với Mỹ (1995), hiệp định thương mại có hiệu lực năm 2001, gia nhập WTO (2007).

- *Củng cố vai trò và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.*

Việt Nam đã đạt được mức tăng trưởng cao, đáng kinh ngạc với bình quân mỗi năm trên 7,2%, liên tục kể từ năm 1986 cho tới nay. Năm 2010, Việt Nam đứng vào hàng ngũ các quốc gia có thu nhập trung bình (middle-income country) trên thế giới.

Theo tiêu chuẩn năm 2010, trên thế giới, quy mô GDP (tính theo sức mua) của Việt Nam đứng thứ 42 (256 tỷ USD), nguồn lực lao động đứng vị trí 12 (46,5 triệu người), thứ 10 về đầu tư (chiếm 34,5% GDP), tỷ lệ gia tăng giá trị sản xuất công nghiệp đứng thứ 22 (5,5%), thu hút đầu tư nước ngoài đứng thứ 10 (bình quân mỗi năm thu hút 4 tỷ USD kể từ khi thực hiện cải cách đổi mới) và chiếm vị trí thứ 6 về độ hấp dẫn của các nhà đầu tư nước ngoài. Thêm vào đó, trong thị trường viện trợ phát triển thế giới, Việt Nam có sức hút rất lớn với vị trí thứ 2 thế giới¹⁵ (thu hút nguồn vốn viện trợ 4 tỷ USD

dịch thương mại với Mỹ, và Đức là nước thịnh vượng thương mại lớn nhất ở khu vực châu Âu.

¹⁵ Theo Tạp chí Chính sách đầu tư Việt Nam của Liên hợp quốc (2008), tổng vốn đầu tư nước ngoài từ 1986 - 2007 của Việt Nam là 38 tỷ USD, chiếm 38% trong tổng GDP của Việt Nam tính theo năm 2006, chiếm

năm 2009), và hiện tại trở thành quốc gia được các nước muốn viện trợ nhiều nhất trên thế giới (aid-darling nation).

- Triển vọng và thách thức trong tương lai

Vấn đề đặt ra là, trong những năm 2020 - 2030, vị thế của Việt Nam sẽ có những chuyển biến như thế nào trên trường quốc tế? Các cơ quan nghiên cứu hàng đầu trên thế giới khá lạc quan về triển vọng phát triển kinh tế dài hạn của Việt Nam. Tổ chức Hợp tác phát triển kinh tế (OECD) dự đoán, tới năm 2015, Việt Nam cùng với Indonesia nắm vai trò động lực cho tăng trưởng kinh tế toàn khu vực Đông Nam Á với vị trí là một nền kinh tế mới nổi. Triển vọng tới năm 2030¹⁶, khi trọng tâm kinh tế thế giới chuyển dịch sang khu vực châu Á, Việt Nam và Indonesia sẽ nổi lên như là các cường quốc kinh tế mới.

Tuy nhiên, lĩnh vực kinh tế đối ngoại của Việt Nam vẫn yếu kém. Trong bối cảnh thị trường vốn vẫn chưa chín muồi, mức thâm hụt tài chính và thương mại là khá lớn so với tiêu chuẩn và quy mô kinh tế, giá cả cũng dần ổn định ít nhiều, nhưng áp lực giá cả leo thang vẫn còn đè nặng. Do đó, việc ổn định kinh tế vĩ mô trở thành vấn đề lớn nhất trong hạ cánh mềm (soft landing) kinh tế. Và để ổn định nền

kinh tế vĩ mô, Việt Nam một mặt phải dồn toàn lực vào việc bình ổn giá, tài cấu trúc thương mại, mặt khác phải có chính sách ưu tiên cho việc những doanh nghiệp quốc doanh làm ăn không hiệu quả, và xóa bỏ tệ tham nhũng. Đó phải là yếu tố hạt nhân trong phát triển bền vững ở Việt Nam.

3.2. Ứng phó với biến đổi về cơ chế quản trị toàn cầu mới

- Sự nổi lên của Trung Quốc và những thách thức đối với Việt Nam

Sự nổi lên của Trung Quốc thành một cường quốc kinh tế đã trở thành một thực tế chứ không phải là tưởng tượng. Năm 2010, Trung Quốc là cường quốc kinh tế đứng thứ 2 thế giới (với GDP 5.000 tỷ USD), tổng kim ngạch xuất khẩu đứng hàng đầu thế giới (1.200 tỷ USD), dự trữ ngoại tệ đứng số 1 thế giới (2.600 tỷ USD). Trung Quốc đang củng cố vững chắc hơn nữa vị thế là một cường quốc về kinh tế, ngoại giao và quân sự¹⁷, trên cơ sở đó, Trung Quốc sẽ tăng cường tiếng nói của mình trên trường quốc tế và hơn nữa sẽ không ngừng mở rộng sự ảnh hưởng và làm tăng những biến đổi về trật tự khu vực Đông Nam Á và thế giới thông qua ngoại giao tích cực phù hợp với vị thế quốc gia.

Nếu như vậy, chúng ta hãy cùng xem xét xem sự nổi lên của Trung Quốc có ảnh hưởng như thế nào đối với Việt Nam. Đầu tiên, về mặt chính trị, chủ quyền Biển Đông (quần đảo Trường Sa và

60,1% trong tổng kim ngạch xuất khẩu, đóng vai trò chủ chốt trong phát triển kinh tế quốc gia. Đặc biệt, các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài đóng vai trò giữ vững mức tăng trưởng của Việt Nam trong thời kỳ khủng hoảng tài chính châu Á.

¹⁶ Theo báo cáo thường kỳ của OECD, triển vọng năm 2030 châu Á sẽ nắm vai trò dẫn dắt tăng trưởng thế giới, Việt Nam, Indonesia và các quốc gia có nền kinh tế lớn như Trung Quốc, Ấn Độ sẽ nổi lên thành những cường quốc kinh tế, châu Á chiếm 60% trong tổng GDP toàn thế giới, đồng thời tăng lớp trung lưu của khu vực châu Á sẽ chiếm 80% trong tổng số các thành phần gia tăng.

¹⁷ Ngân sách cho quốc phòng mà Chính phủ Trung Quốc đưa ra năm 2009 là 65,7 tỷ USD tăng 14,9% so với năm trước. Theo báo cáo của Chính phủ Mỹ về sức mạnh quân sự Trung Quốc, thực tế ngân sách quốc phòng của Trung Quốc lên đến 105 - 150 tỷ USD.

quần đảo Hoàng Sa) đang là vấn đề được quan tâm, bàn luận nhiều nhất hiện nay. Dự đoán, Trung Quốc sẽ tích cực thúc đẩy tầm ảnh hưởng của mình trên vùng biển Đông và phía Nam¹⁸. Do đó, việc Trung Quốc cương quyết đòi chủ quyền và tăng ảnh hưởng đối với các vùng biển này sẽ gây ra tác động lớn đến an ninh chính trị không chỉ đối với Việt Nam - quốc gia có chủ quyền đối với vùng biển Đông¹⁹, mà còn đối với các quốc gia xung quanh. Đồng thời, Việt Nam và các quốc gia này có thể bị Trung Quốc đẩy vào tình trạng tiến thoái lưỡng nan trong việc lựa chọn chiến lược tăng cường hợp tác bảo đảm an ninh với các đối thủ cạnh tranh với Trung Quốc như Mỹ.

Về mặt kinh tế, nếu không có bất cứ quan hệ căng thẳng nào về an ninh chính trị, mối quan

hệ kinh tế giữa Việt Nam và Trung Quốc được kỳ vọng sẽ ngày càng phát triển hơn trên cơ sở phát triển quan hệ hợp tác với vai trò là các quốc gia có nền kinh tế mới nổi.

Mỗi năm, trong giao dịch thương mại với Trung Quốc, Việt Nam đều thâm hụt hơn 10 tỷ USD (năm 2008: 11,1 tỷ USD, năm 2009 là 10,5 tỷ USD), điều này cho thấy trong tương lai, mức phụ thuộc của kinh tế Việt Nam vào Trung Quốc là lớn. Nhằm giải quyết được các vấn đề về mặt cấu trúc như vậy, Việt Nam cần ưu tiên hàng đầu cho việc đảm bảo sức cạnh tranh với các mặt hàng của Trung Quốc và đa dạng hóa các kênh nhập khẩu với các mặt hàng như cơ khí.

- Giữ vai trò chủ đạo và ứng phó tích cực với các vấn đề trọng tâm toàn cầu

Việt Nam đã đạt được những thành tựu lớn trong công cuộc xóa đói giảm nghèo, nâng cao vị thế quốc gia thành nước có nền kinh tế mới nổi trên nền tảng tăng trưởng cao. Nếu như vậy, những thách thức chủ yếu mà Việt Nam đang phải đối mặt do sự biến đổi nhanh chóng của cơ chế quản trị toàn cầu là gì? Việt Nam phải làm như thế nào để khắc phục những vấn đề này? Vấn đề quan trọng nhất là thích ứng với những biến đổi trong mô hình kinh tế thế giới. Hiện tại, việc xây dựng các chính sách ứng phó với biến đổi khí hậu và việc cải tổ lại hệ thống tài chính quốc tế là rất cần thiết. Những thay đổi trật tự tài chính này cần phải được theo dõi và thực hiện nhằm xây dựng hệ thống tài chính trong nước cho phù hợp.

¹⁸ Trung Quốc khi lấy vùng đặc quyền kinh tế làm tiêu chuẩn, diện tích biển của Trung Quốc so với diện tích địa lục chưa bằng 1/5 của Nhật Bản. Cùng với đó khi xem xét về các vùng đặc quyền mà các nước xung quanh như Nhật Bản, Đài Loan, Philippines, Việt Nam đang thực hiện chủ quyền, diện tích vùng biển bị thu hẹp, và đường biển kéo dài đến Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương cũng trở nên ngắn đi. Từ xưa, quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa đã nắm giữ vị trí kinh tế, chiến lược như là tuyến đường biển sinh mệnh của khu vực Đông Nam Á. Trung Quốc đang rất coi trọng những khu vực biển này và lấy lực lượng chính trị, an ninh quân sự ngày một lớn mạnh thâm nhập vào vùng biển Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương, đồng thời cũng đang tiếp tục tăng ảnh hưởng lên các vùng biển này thông qua tăng cường sức mạnh quân sự.

¹⁹ Tháng 5/2009, Chính phủ Việt Nam tái khẳng định rõ ràng chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, và đưa ra bản đề nghị xác định ranh giới liên quan đến thềm lục địa chung và riêng đối với quần đảo Trường Sa, tuy nhiên, Trung Quốc lại tỏ ra không mặn mà đối với vấn đề này. Hiện tại, Trung Quốc đang cho xây dựng thành phố Tam Sa hợp nhất thành đảo ở khu vực Nam biển Đông bao gồm cả Hoàng Sa (Tây Sa), Trường Sa (Nam Sa) và Trung Sa, và tiếp tục thực hiện việc quy thuộc thành phố này về tỉnh Hải Nam.

Thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam và Trung Quốc (1990 - 2009)

Đơn vị: USD

	1990	1995	2000	2005	2006	2007	2008	2009
Trung Quốc	330	530	930	1.760	2.050	2.490	3.080	3.590
Việt Nam	130	250	390	620	620	690	780	1.010

Thế giới hiện nay đang mang trong mình căn bệnh nghiêm trọng do tình trạng biến đổi khí hậu khác thường. Theo ông Barry – Phó giám đốc Viện Nghiên cứu các vấn đề kinh tế thế giới trường Đại học Victoria (Canada), do biến đổi khí hậu, Việt Nam là nước đứng thứ 8 thế giới hứng chịu nhiều nhất hiện tượng nóng lên (tiêu chuẩn năm 2007), đứng thứ 4 thế giới trong số các quốc gia có dân số đông nhất ở các khu vực biển thấp, và đứng vị trí 10 trên thế giới trong số các quốc gia có lãnh thổ rộng nhất ở vùng ven biển thấp.

Muốn giảm thiểu những thiệt hại này, Việt Nam cần phải xây dựng những chính sách đối phó tích cực hơn với vấn đề biến đổi khí hậu, tích cực tham gia vào nỗ lực chung của toàn thế giới, đồng thời phải chủ động đảm bảo quyền phát thải khí nhà kính cần thiết cho tăng trưởng kinh tế bền vững, và về mặt đối nội, cần nỗ lực thực hiện tăng trưởng xanh với trọng tâm là nguồn năng lượng sạch.

- *Củng cố vai trò là quốc gia thúc đẩy hợp tác vì hòa bình và thịnh vượng*

Việt Nam phải nắm giữ vai trò là cầu nối thúc đẩy hình thành bầu không khí hợp tác giữa các quốc gia với vai trò là nước có nền kinh tế mới phát triển trong các tổ chức hợp tác đa phương như ASEAN, ASEAN+3, EAS, APEC. Đặc biệt, cần phát huy năng lực lãnh đạo trong quá trình hội nhập kinh tế ASEAN, tạo dựng hình ảnh quốc gia qua vai trò tác nhân thúc đẩy (facilitator) các tổ chức hợp tác khu vực khác. Đồng thời, cần phải hiểu các vấn đề toàn cầu như biến đổi khí hậu, tham gia và nâng cao năng lực truyền đạt, nhận thức của mình trong quá trình giải quyết các vấn đề toàn cầu.

Việt Nam cũng đã hàn gắn những vết thương chiến tranh trong quá khứ, và hiện nay, dựa trên sức mạnh đoàn kết, Việt Nam đang tập trung vào công cuộc xây dựng kinh tế quốc gia qua công nghiệp hóa - hiện đại hóa. Việt Nam cần phải nỗ lực để thích ứng linh hoạt với cơ chế quản trị toàn cầu đang biến đổi, và nỗ lực thực hiện vai trò không chỉ là tác nhân thúc đẩy hòa bình và thịnh vượng thế giới mà còn là cầu nối trong thúc đẩy hợp tác giữa các cường quốc và các tiểu quốc gia♦